|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 155 /TTr-UBND | *Kon Tum, ngày 21 tháng 11 năm 2019* |
|  |  |

**TỜ TRÌNH**

**Về phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương,**

**ngân sách cấp tỉnh năm 2020**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2020; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND 19 tháng 7 năm 2018 về việc sửa đổi Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Qui định phân cấp ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Quyết định số........ /QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2020 đã được Trung ương giao; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh năm 2020, cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH**

**ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

**A. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020**

**I. Dự toán Trung ương giao**

**1. Dự toán thu ngân sách địa phương**

- Dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn 2.607.000 triệu đồng, trong đó: Thu sản xuất kinh doanh trong nước *(thu nội địa)* 2.337.000 triệu đồng; thu hoạt động xuất nhập khẩu 270.000 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn địa phương được hưởng *(thu cố định điều tiết)* là 2.095.150 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách Trung ương bổ sung cân đối ngân sách địa phương là 3.285.823 triệu đồng, trong đó: Dự toán trên nền lương cơ sở 1,21 triệu đồng là 3.120.986 triệu đồng([[1]](#footnote-1)); dự toán bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở *(tính lương 1,49 triệu đồng)* là 164.837 triệu đồng.

- Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách Trung ương 1.982.774 triệu đồng.

- Dự toán thu ngân sách địa phương 7.363.747 triệu đồng, trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 5.380.973 triệu đồng.

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương** **7.379.847 triệu đồng**, gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương *(bao gồm cả bội chi)* 5.397.073 triệu đồng, gồm:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương 5.380.973 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển 821.872 triệu đồng, bao gồm: Chi nguồn vốn trong nước 536.872 triệu đồng, tăng 3,6% so với dự toán 2019; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 200.000 triệu đồng, tăng 42,9% dự toán năm 2019; chi nguồn thu XSKT 85.000 triệu đồng, bằng dự toán năm 2019.

- Chi thường xuyên 4.449.185 triệu đồng. Chi thường xuyên chưa bao gồm bổ sung tiền lương 4.088.465 triệu đồng, tăng 2,3% so dự toán 2019, trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.795.333 triệu đồng, tăng 1,4%; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.294 triệu đồng, tăng 4,1%; chi sự nghiệp môi trường 75.008 triệu đồng, tăng 3,8%; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.201.830 triệu đồng, tăng 3% so dự toán 2019.

- Chi trả nợ lãi vay 1.300 triệu đồng.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách 107.616 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 02% trên tổng chi cân đối ngân sách.

b) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 16.100 triệu đồng.

2.2.Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 1.982.774 triệu đồng

**3. Tổng số vay trong năm**

- Vay bù đắp bội chi 16.100 triệu đồng

- Vay để trả nợ gốc 18.000 triệu đồng

**II. Dự toán địa phương giao**

**1. Dự toán thu ngân sách địa phương**

- Dự toánthu NSNN trên địa bàn địa phương giao 3.505.000 triệu đồng, trong đó: thu nội địa 3.235.000 triệu đồng, tăng so với dự toán Trung ương giao 38,4% *(tương ứng tăng thu 898.000 triệu đồng([[2]](#footnote-2)))*;thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 270.000 triệu đồng, bằng trung ương giao.

- Dự toán thu ngân sách địa phương 8.261.747 triệu đồng, tăng 12,2% so dự toán Trung ương giao, trong đó thu cân đối ngân sách địa phương 6.278.973 triệu đồng, tăng 16,7% so với dự toán trung ương giao.

*(Chi tiết thu NSNN tại biểu số 01,*

*thu NSNN trên địa bàn huyện, thành phố tại biểu số 02 kèm theo)*

**2. Dự toán chi ngân sách địa phương giao 8.277.847 triệu đồng**, gồm:

2.1. Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương *(bao gồm cả bội chi)* 6.295.073 triệu đồng, cụ thể:

a) Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương 6.278.973 triệu đồng, tăng chi 880.000 triệu đồng([[3]](#footnote-3)) so dự toán Trung ương giao, trong đó bố trí: Chi đầu tư phát triển 825.372 triệu đồng, tăng 2,7 % so dự toán 2019 địa phương giao; chi đầu tư cho các dự án, nhiệm vụ từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất 880.000 triệu đồng; chi thường xuyên 4.445.685 triệu đồng, chi thường xuyên chưa bao gồm bổ sung tiền lương 4.084.965 triệu đồng, tăng 2,3% so dự toán 2019([[4]](#footnote-4)); chi trả nợ lãi vay 1.300 triệu đồng; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng; dự phòng 125.616 triệu đồng([[5]](#footnote-5))

b) Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 16.100 triệu đồng.

2.2 Chi bổ sung mục tiêu nhiệm vụ cụ thể từ ngân sách Trung ương 1.982.774 triệu đồng

*(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)*

**B. Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương**

**I. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách địa phương**

**1. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách cấp huyện**

1.1. Dự toán thu cân đối ngân sách huyện, thành phố 2.934.669 triệu đồng, bao gồm:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn ngân sách huyện, thành phố được hưởng theo phân cấp 922.960 triệu đồng, tăng 14,4% so dự toán 2019.

b) Bổ sung cân đối ngân sách huyện 2.011.709 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách huyện trên nền lương cơ sở 1,21 triệu đồng là 1.806.921 triệu đồng, bao gồm: Ổn định số bổ sung dự toán 2017 giao 1.778.544 triệu đồng; bổ sung nhiệm vụ cụ thể có tính chất thường xuyên phát sinh trong năm 2017, 2018, 2019 bố trí tăng số bổ sung cân đối ngân sách 2020 là 28.377 triệu đồng([[6]](#footnote-6));

- Bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở 204.788 triệu đồng([[7]](#footnote-7)).

1.2. Dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố2.934.669triệu đồng, bao gồm:

**-** Chi đầu tư phát triển205.656triệu đồng, trong đó: Chi xây dựng cơ bản nguồn vốn trong nước 80.520 triệu đồng, tăng 2,2% so dự toán 2019; chi nguồn thu tiền sử dụng đất 125.136 triệu đồng, tăng 80,2% so dự toán 2019.

- Chi thường xuyên 2.670.328 triệu đồng. Dự toán chi *(chưa bao gồm bổ sung nguồn cải cách tiền lương)* 2.398.875 triệu đồng, tăng 0,7% so dự toán 2019, trong đó:Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 1.405.502 triệu đồng, tăng 0,6%; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 66.252 triệu đồng, tăng 0,3%;chi sự nghiệp khoa học công nghệ 1.500 triệu đồng *(bằng dự toán năm 2019)*; chi thường xuyên các lĩnh vực khác còn lại 925.621 triệu đồng, tăng 0,9% so dự toán năm 2019.

- Dự phòng 58.685 triệu đồng, tăng 7,9% so năm 2019, chiếm tỷ lệ 2% trên tổng chi cân đối ngân sách huyện năm 2020.

*(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)*

**2. Dự toán thu, chi cân đối ngân sách tỉnh**

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương *(bao gồm cả bội chi)* 6.295.073 triệu đồng, sau khi trừ phần thu cân đối ngân sách huyện thành phố 2.934.669 triệu đồng nêu trên, bội chi ngân sách 16.100 triệu đồng, dự toán thu cân đối ngân sách tỉnh còn lại 3.344.304 triệu đồng. Dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ chi như sau:

2.1. Bổ sung mục tiêu ngân sách huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể 258.278 triệu đồng, bao gồm:

a) Bổ sung nhiệm vụ đầu tư phát triển 124.127 triệu đồng, cụ thể: Đầu tư XDCB nguồn vốn trong nước 118.000 triệu đồng; chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 6.127 triệu đồng.

b) Bổ sung nhiệm vụ cụ thể vốn sự nghiệp 134.151 triệu đồng, cụ thể:

- Các nhiệm vụ bổ sung 2017, 2018, 2019 năm 2020 tiếp tục thực hiện 82.075 triệu đồng, trong đó: Hỗ trợ thực hiện đề án phát triển cà phê xứ lạnh 3.842 triệu đồng([[8]](#footnote-8)); hỗ trợ sửa chữa cầu treo 7.552 triệu đồng; hỗ trợ tăng chi sự nghiệp môi trường 11.500 triệu đồng; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các trường 8.000 triệu đồng; hỗ trợ tăng cường an ninh, quốc phòng, đối ngoại biên giới 1.800 triệu đồng; hỗ trợ 5 đô thị mới được công nhận loại 5 là 10.000 triệu đồng; hỗ trợ sửa chữa xe ô tô, cơ sở vật chất làm việc 3.500 triệu đồng; hỗ trợ nhiệm vụ cần thiết nhưng cấp huyện, xã còn khó khăn 13.980 triệu đồng (*kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp xã; hỗ trợ hoạt động chi bộ ở cấp xã, sửa chữa truyền thanh không dây, quản lý nhà nước về chăm sóc bảo vệ trẻ em và các nhiệm vụ khác*)...

- Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới năm 2020 là 52.076 triệu đồng, gồm: Hỗ trợ lập các qui hoạch theo Nghị quyết số 69/NQ-CP 4.865 triệu đồng; hỗ trợ tiền lương cho biên chế giáo viên mầm non tăng thêm 47.211 triệu đồng([[9]](#footnote-9)).

*(Chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)*

2.2. Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh:Sau khi loại trừ phần bổ sung mục tiêu ngân sách huyện nêu trên và bội chi ngân sách địa phương, còn lại 3.086.026 triệu đồng, bố trí cho các lĩnh vực chi như sau:

a) Chi đầu tư phát triển 495.589 triệu đồng, bao gồm: Chi đầu tư XDCB vốn trong nước 338.352 triệu đồng, tăng 26,3% so dự toán 2019; chi từ nguồn thu sử dụng đất 68.737 triệu đồng *(chi đầu tư dự án 57.800 triệu đồng, bổ sung quỹ phát triển đất 2.844 triệu đồng([[10]](#footnote-10)), chi sự nghiệp quản lý đất đai từ nguồn 10% tiền sử dụng đất 8.093 triệu đồng([[11]](#footnote-11)))*; chi từ nguồn thu XSKT 85.000 triệu đồng, tăng 47,1% so dự toán 2018.

b) Chi thường xuyên 1.641.206 triệu đồng.

Trong điều kiện tinh giãn biên chế, nhu cầu chi làm thêm giờ và nhiều chính sách, chế độ mới ban hành, mức chi một phần cũng tăng thêm, thiết bị làm việc đã xuống cấp, hư hỏng; để đảm bảo hoạt động quản lý hành chính([[12]](#footnote-12)), phương án phân bổ nâng định mức chi khác (ngoài quỹ lương) cho các đơn vị hành chính cấp tỉnh tăng thêm 02 triệu đồng/biên chế so với năm 2019. Chi sự nghiệp giáo dục theo cơ cấu quỹ lương đảm bảo tỷ lệ chi khác chiếm 17%(*[[13]](#footnote-13)*). Chi sự nghiệp đào tạo phân bổ theo định mức trên học sinh, có xem xét hỗ trợ bù cơ cấu quỹ lương, chi khác tương tự như chi sự nghiệp giáo dục để duy trì hoạt động thường xuyên đào tạo của các Trường. Chi sự nghiệp y tế phân bổ chi khám chữa bệnh theo giường bệnh([[14]](#footnote-14)) *(kết hợp nguồn bố trí qua cơ cấu tiền lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh; cân đối, điều chỉnh kinh phí do chuyển Bệnh viện Đa khoa tỉnh sang loại hình tự chủ 100% chi thường xuyên)*; chi bộ máy phòng bệnh phân bổ theo định mức biên chế([[15]](#footnote-15)) *(không thấp hơn 30% tổng chi sự nghiệp y tế([[16]](#footnote-16)))*; chi sự nghiệp y tế khác xác định nhu cầu kinh phí theo khối lượng công việc([[17]](#footnote-17)), dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, định mức quy định hiện hành. Đối với dự toán chi sự nghiệp (*văn hóa, thể thao, đảm bảo xã hội, phát thanh truyền hình, kinh tế* …) phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh, nhiệm vụ chuyên môn được cấp thẩm quyền giao, khối lượng công việc, dự toán kinh phí đơn vị lập, chế độ, định mức quy định hiện hành. Căn cứ phương án tự chủ, mức độ tự chủ tài chính từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được cấp thẩm quyền phê duyệt, thực hiện hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị theo qui định của pháp luật có liên quan về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Dự toán chi thường xuyên chưa bao gồm bổ sung tiền lương tăng thêm theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP, Nghị định 72/2018/NĐ-CP và Nghị định 38/2019/NĐ-CP là 1.551.939 triệu đồng, tăng 1,3% so dự toán 2019. Cụ thể theo các lĩnh vực sau:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề 332.433 triệu đồng, bằng 92,3% dự toán 2019([[18]](#footnote-18)).

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 14.794 triệu đồng, tăng 4,5% dự toán 2019 *(trừ nhiệm vụ chi ứng dụng khoa học công nghệ đã bổ sung về ngân sách huyện chi 1.500 triệu đồng)*.

- Chi sự nghiệp môi trường 5.539 triệu đồng, tăng 18,2% so năm 2019.

- Các lĩnh vực chi thường xuyên khác 1.199.173 triệu đồng, tăng 4% so dự toán 2019. Chi tiết các lĩnh vực chi:

+ Chi sự nghiệp kinh tế tăng 5,6% *(trong đó bố trí kinh phí lập các qui hoạch theo Nghị quyết 69/NQ-CP 10.000 triệu đồng).*

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình tăng 4,4% dự toán năm 2019([[19]](#footnote-19)); trong đó kinh phí ngân sách giảm do cơ cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh 74.474 triệu đồng([[20]](#footnote-20)) bố trí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi cho y tế dự phòng, tăng chi cho một số nội dung cấp bách khác của ngành y tế;

+ Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin tăng 14,8% do tăng kinh phí tổ chức tuần lễ văn hóa, kinh phí tổ chức ngày lễ lớn...

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao tăng 13,4% dự toán năm 2019 do tăng chế độ vận động viên, huấn luyện viên theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình bằng 99,4% cơ bản bằng dự toán năm 2019 .

+ Chi đảm bảo xã hội bằng 97,3% dự toán năm 2019, do giảm kinh phí hoạt động quỹ bảo trợ trẻ em theo qui định của trung ương.

+ Chi quản lý hành chính bằng 97,9% so năm 2019 do cơ cấu, điều chỉnh giảm kinh phí bố trí cho nhân viên theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP([[21]](#footnote-21)).

+ Chi quốc phòng an ninh tăng 12,3% hỗ trợ thêm thực hiện nhiệm vụ phát quang hành lang tuyến, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đường tuần tra biên giới, tăng cường tuần tra bảo vệ, quan hệ hợp tác biên giới...

+ Chi khác ngân sách 55.757 triệu đồng, trong đó bố trí hoạt động đối ngoại với bạn Lào, Campuchia; quĩ khen thưởng; trích lại cho cơ quan thanh tra từ số thu hồi qua thanh tra, hỗ trợ nhiệm vụ thu lệ phí, xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí hoạt động trụ sở hành chính mới([[22]](#footnote-22)); kinh phí thực hiện các đề án khác đang chờ cấp thẩm quyền phê duyệt, kinh phí biên soạn lịch sử ngành, ...

c) Chi trả nợ lãi vay 1.300 triệu đồng.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1.000 triệu đồng.

đ) Dự phòng 66.931 triệu đồng, tăng 40,4% so dự toán 2019 và chiếm 2% so với tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh 2020, trong đó: trích 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao 18.000 triệu đồng([[23]](#footnote-23)).

e) Chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao *(phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế)* 880.000 triệu đồng

*(Chi tiết tại biểu số 06,07,08 kèm theo)*

**II. Dự toán chi nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu** 1.982.774 triệu đồng bố trí theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ được Trung ương bổ sung. Đối với các nhiệm vụ, dự án chưa đủ điều kiện phân bổ, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn khi đủ thủ tục theo quy định. Trong đó:

1. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia 661.008 triệu đồng.

2. Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu 756.675 triệu đồng.

3. Chi bổ sung có mục tiêu *(kinh phí sự nghiệp)* 565.091 triệu đồng, trong đó vốn ngoài nước 149.330 triệu đồng, vốn trong nước 415.761 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Biểu 09, 09a kèm theo)*

**PHẦN THỨ HAI**

**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH THU, CHI NGÂN SÁCH 2020**

**I. Về thu ngân sách**

1. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng tỉ trọng thu nội địa, tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Các cấp chính quyền, đơn vị liên quan triển khai tốt các biện pháp nhằm tập trung số thu kịp thời, đầy đủ, tăng cường chống thất thu, thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng thuế phát sinh, tích cực khai thác các nguồn thu mới, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu.

2. Tăng cường phối hợp giữa Cục thuế với cơ quan tài chính các cấp trong việc báo cáo định kỳ, thường xuyên theo dõi các nguồn thu trên địa bàn, phân tích tình hình thực hiện, đề xuất giải pháp thu. Phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

**II. Về chi ngân sách**

1. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình số 28-CTr/TU ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi cho phù hợp với khả năng cân đối của NSNN; động viên thêm nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ sự nghiệp công, xây dựng dự toán chi ngân sách đảm bảo chi tiết đối với từng nhiệm vụ trên cơ sở định mức, chính sách, chế độ quy định, chủ động sắp xếp để cân đối cho nhiệm vụ mới phát sinh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung, ưu tiên bố trí trả nợ xây dựng cơ bản và dự án có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng, khai thác trong năm 2020; hạn chế tối đa khởi công mới; bố trí vốn hoàn trả ứng trước ngân sách. Triển khai các dự án đầu tư phải đúng mức vốn kế hoạch được giao, cân đối đủ nguồn vốn, không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định để thực hiện các dự án đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý.

3. Dự toán chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán chi thường xuyên, trong đó giáo dục, đào tạo, dạy nghề và khoa học công nghệ không được thấp hơn mức dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Phân bổ các lĩnh vực chi thường xuyên khác cho đơn vị dự toán trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp tình hình thực tế và điều kiện khả năng ngân sách, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, đề án theo phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách. Đối với các đơn vị dự toán cấp I và đơn vị sử dụng ngân sách khối tỉnh: Trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên và dự toán 2019 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; đơn vị dự toán cấp I phân bổ dự toán thu sự nghiệp, dự toán chi cho các đơn vị trực thuộc theo tiêu chuẩn, định mức quy định để làm căn cứ tổ chức thực hiện, bảo đảm khớp đúng tổng mức chi sự nghiệp theo lĩnh vực, phù hợp đặc điểm tình hình thực tế và nguồn thu của đơn vị trực thuộc. Xác định rõ từng nhiệm vụ sự nghiệp, định mức và dự toán kinh phí làm cơ sở giao tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP. Thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Các địa phương, đơn vị chủ động sắp xếp nhiệm vụ *(kể cả nhiệm vụ phát sinh)* trong phạm vi dự toán được giao trên tinh thần triệt để tiết kiệm, không phô trương hình thức, chống lãng phí, phù hợp với khả năng ngân sách được giao, kết hợp nguồn thu ngoài ngân sách, tăng cường huy động nguồn xã hội hoá.

5. Điều hành chi ngân sách nhà nước phải theo khả năng, tiến độ nguồn thu, giãn tiến độ các khoản chi chưa cấp thiết vào cuối năm. Ưu tiên thực hiện chi lương, các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai để đảm bảo chi đúng, đầy đủ cho các đối tượng thụ hưởng. Rà soát, quản lý chặc chẽ để giảm mạnh số chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của Luật NSNN. Thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Khắc phục triệt để những sai phạm liên quan kết luận kiểm toán NSNN qua các năm.

6. Đẩy nhanh thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế; Triển khai chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI - kỳ họp thứ 9 xem xét, phê chuẩn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TT Tỉnh uỷ (b/c)  - TT HĐND tỉnh (b/c);  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;  - Cục Thuế tỉnh;  - VP UBND tỉnh: CVP, PVPKT;  - Lưu: VT, KTTH1,6. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Số trợ cấp ổn định từ năm 2017 là 2.999.986 triệu đồng, trung ương bổ sung tăng trợ cấp 121.000 triệu đồng (trong đó: bổ sung năm 2019: 60.000 triệu đồng tính ổn định cho năm 2020 và bổ sung trong năm 2020: 61.000 triệu đồng) [↑](#footnote-ref-1)
2. () Ngoài dự toán Trung ương giao, trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, để có nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị, phát triển KT-XH, địa phương phấn đấu tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán trung ương giao (phân bổ chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế). [↑](#footnote-ref-2)
3. () Số dự toán tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất bố trí chi đầu tư các dự án, nhiệm vụ theo tiến độ nguồn thu thực tế trong năm. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 1.795.333 triệu đồng (bằng trung ương giao); chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 16.294 triệu đồng (bằng trung ương giao); chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 83.291 triệu đồng, tăng 1,3%; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại 2.190.047 triệu đồng, tăng 3% so dự toán 2019 [↑](#footnote-ref-4)
5. () Trong đó 2% bổ sung dự phòng từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất *(bao gồm tiền sử dụng đất và tiền cho thuê đất)* so với trung ương giao là 18.000 triệu đồng, để đảm bảo tổng số dự phòng NSĐP bằng 2% theo quy định của Luật NSNN. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Kinh phí hoạt động các Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh chuyển về huyện thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; kinh phí hoạt động của 03 tiểu đội dân quân thường trực theo Quyết định 489/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo diện tích tăng thêm năm 2017; hỗ trợ tổ công tác liên ngành kiểm tra bảo vệ rừng các xã không có nguồn thu dịch vụ môi trường rừng; hỗ trợ thôn làng đón tết; Kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho CCB, TNXP làm nhiệm vụ quốc tế Lào Cam Pu Chia và một số nhiệm vụ khác; Bổ sung đảm bảo chi theo cơ cấu quỹ lương giáo dục theo Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cho 3 huyện Đăk Hà; huyện Ia H’Drai, huyện Đăk Tô. [↑](#footnote-ref-6)
7. () Dự toán kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP là 42.717 triệu đồng; Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP là 56.974 triệu đồng; Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tăng thêm theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP là 105.097 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-7)
8. () Hỗ trợ thêm cho huyện có nguồn mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đề án cà phê xứ lạnh thuộc nhiệm vụ chi của huyện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh *(hỗ trợ 40% trên nhu cầu kinh phí*), nhu cầu còn lại ngân sách cấp huyện cân đối theo phân cấp đề án được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-8)
9. () Theo số Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-9)
10. () Từ 2% nguồn thu tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí hợp pháp đầu tư CSHT khai thác quỹ đất. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Thực hiện chi theo số thu thực tế và phương án phân cấp được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Kết hợp nguồn thu phí được để lại theo Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND cho đơn vị phục vụ thu phí theo qui định; nguồn kinh phí hỗ trợ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thu lệ phí, xử phạt vi phạm hành chính. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Giảm 1% so với quy định của trung ương tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 để có nguồn bố trí thực hiện đề án của Hội đồng nhân dân tỉnh về nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số, ... [↑](#footnote-ref-13)
14. () Bệnh viện tuyến tỉnh 56,7 triệu đồng/giường bệnh/năm; bệnh viện tuyến huyện 57,7 triệu đồng/giường bệnh/năm *(tính theo tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng, đã loại trừ tiền lương cơ cấu vào giá dịch vụ).* [↑](#footnote-ref-14)
15. () Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-15)
16. () Nghị quyết 20-NQ/TW của Trung ương, Nghị quyết số 18/2008/QH12 của Quốc hội, văn bản số 5561/BYT-KH-TC ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Bộ Y tế. [↑](#footnote-ref-16)
17. () Bao gồm các nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị y tế, sửa chữa thường xuyên các cơ sở y tế [↑](#footnote-ref-17)
18. () Nguyên nhân giảm so DT 2019: điều chuyển một phần bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, TP để chi trả cho biên chế giáo viên mầm non tăng thêm 47.211 triệu đồng [↑](#footnote-ref-18)
19. () Bố trí nguồn mua BHYT cho người nghèo, do năm 2020 trung ương không hỗ trợ cho địa phương so năm 2019 *(bổ sung có mục tiêu)* 20.000 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-19)
20. () Tạm giao dự toán theo Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế và Thông tư liên tịch số [37/2015/TTLT-BYT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/thong-tu-lien-tich-37-2015-ttlt-byt-btc-gia-dich-vu-kham-benh-chua-benh-bao-hiem-y-te-300348.aspx) ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính và sẽ rà soát, thẩm định lại theo kết quả thực hiện trong năm 2020. [↑](#footnote-ref-20)
21. () Năm 2019 bố trí nguồn tập trung 36.461 triệu đồng; năm 2020 bố trí 10.000 triệu đồng (rà soát lại, bố trí theo chỉ tiêu được cấp thẩm quyền giao thực tế trong năm) [↑](#footnote-ref-21)
22. () Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo xây dựng phương án giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý, bảo vệ 2 khối nhà Q3, Q4 tại Khu Trung tâm hành chính mới của tỉnh trình cấp thẩm quyền phê duyệt và bố trí kinh phí để đơn vị này hoạt động theo quy định. [↑](#footnote-ref-22)
23. () Để đảm bảo dự phòng ngân sách tỉnh bằng 2% so với tổng dự toán chi ngân sách tỉnh theo quy định Luật NSNN. [↑](#footnote-ref-23)